

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HS-ST  
Ngày: 21-6-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trường Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Định.

Bà Nguyễn Thị Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022; đối với các bị cáo:

1- Phạm Hồng Q, sinh năm 1965, tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P – đã chết và bà Trần Thị L, sinh năm 1936; có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1967 và 02 con: tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 23-11-2021 đến 02-12-2021 sau đó chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 02-12-2021 đến nay (Có mặt).

2- Trần Đình Qu, sinh năm 1976 tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M – đã chết và bà Phạm Thị T, sinh năm 1932; có vợ là Hoàng Thị M, sinh năm 1977 và 02 con: tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 23-11-2021 đến 02-12-2021 sau đó chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 02-12-2021 đến nay (Có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH thương mại N; địa chỉ: xã L, huyện V, tỉnh Nam Định

Đại diện hợp pháp: Ông Trần Hoàng V; chức vụ: Giám Đốc; địa chỉ nơi ở: Số nhà 48 Trần Hưng Đạo, phường T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Hoàng Thị M; sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Có mặt).

+ Ông Trần Đình C; sinh năm 1969; địa chỉ: Non C, thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

+ Chị Trần Thị Thu H; sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

+ Chị Hoàng Thị Bích B; sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

+ Ông Lê Xuân T; sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu sài các nhân, khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 20-11-2021, Phạm Hồng Q là bảo vệ Công ty TNHH Thương mại N (gọi tắt là Công ty N) liên lạc qua mạng xã hội Zalo để rủ Trần Đình Qu trộm cắp bình ắc quy của công ty N, Qu đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Q gọi Zalo cho Qu đến cổng Công ty N chờ ắc quy điện, Qu đồng ý. Sau đó, Q đi đến khu vực hành lang khu nhà văn phòng của công ty, mở hộp kim loại màu đỏ gắn ở góc tường để lấy chùm chìa khóa kho. Sau đó Q ra cửa điều khiển xe mô tô của công ty đến khu vực xưởng 3 (Xưởng kho vật liệu) để mở cửa nhưng không đúng chìa khóa, Q lại đi đến cửa xưởng lắp ráp và dùng chìa khóa mở được cửa. Q điều khiển xe mô tô đi vào trong kho lắp ráp và đi đến vị trí để những hộp ắc quy mới ngay sau cửa ra vào trong kho vật liệu. Tại đây, Q quay đầu xe, dựng chân chống và dùng 02 tay để lấy 02 hộp ắc quy nhãn hiệu ShenGming, bên trong mỗi hộp chứa 04 bình ắc quy loại 12V-30AH và 02 hộp ắc quy điện nhãn hiệu ShenGming, bên trong *mỗi* hộp có chứa 04 bình ắc quy loại 12V-14AH. Q xếp chồng những hộp ắc quy này lên nhau ở vị trí bụng xe mô tô. Sau đó Q điều khiển xe chở theo 04 hộp ắc quy trên mang đến khu vực ngoài cổng Công ty N nơi Qu đang chờ. Khoảng 05 phút sau, Qu điều khiển xe mô tô đến vị trí Q đang chờ. Tại đây, Q xếp 04 hộp ắc quy lên bụng xe mô tô của Qu và bảo Qu chở về xong quay lại chở tiếp, Qu đồng ý. Sau đó Qu chở 04 hộp ắc quy trên về nhà mình cất giấu. Sau khi Qu đi, Q tiếp tục quay lại xưởng lấy thêm 04 hộp ắc

quy có đặc điểm giống 04 hộp như trên mang ra để phía ngoài công ty; lúc sau Qu quay lại và tiếp tục chở 04 hộp ắc quy về nhà cất giấu.

Do quen biết với anh Trần Đình C nên trưa ngày 21-11-2021, Qu đã mang toàn bộ 08 hộp ắc quy trên đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh C để gửi. Anh C không biết đây là những hộp ắc quy do Qu trộm cắp nên đã đồng ý cho Qu gửi lại.

Qua trình điều tra Cơ quan CSĐT công an huyện V đã xác định được trước đó Q và Qu đã trộm cắp 07 hộp ắc quy khác tại Công ty N, cụ thể:

Lần 01: Khoảng đầu tháng 11-2021, vào buổi tối Q và Qu đã trộm cắp 01 hộp ắc quy nhãn hiệu ShenGming, bên trong mỗi hộp chứa 04 bình ắc quy loại 12V-30AH. Hộp ắc quy này Qu đã tự thay mới vào xe máy điện của nhà mình.

Lần 02: Tối ngày 12-11-2021, Q và Qu đã trộm cắp 04 hộp ắc quy điện mới, loại bình cao, vỏ hộp màu đỏ, có nhiều chữ Trung Quốc, bên trong mỗi hộp có chứa 04 bình ắc quy. Số bình ắc quy này Qu bán cho chị Trần Thị H để thay mới cho xe máy điện nhà chị H với giá 1.800.000đ; bán cho chị Hoàng Thị Bích B để chị B thay mới cho xe máy điện nhà chị B với giá 1.400.000 đồng; Bán cho ông Lê Xuân T để thay mới cho xe máy điện nhà ông T với giá 1.800.000 đồng. Tất cả các xe máy điện kia đều sử dụng hệ thống 05 bình ắc quy rời. Còn 01 bình ắc quy, Qu bán cho một người đi câu ở sông gần nhà Qu lấy số tiền 350.000 đồng.

Lần 3: Tối ngày 15-11-2021, Q và Qu trộm cắp 02 hộp ắc quy điện mới nhãn hiệu ShenGming, bên trong mỗi hộp chứa 04 bình ắc quy loại 12V-30AH. Sáng hôm sau Qu mang số bình ắc quy này bán cho anh Trần Đình C lấy số tiền 1.400.000 đồng.

Tổng số tiền Qu bán bình ắc quy trong 03 lần trộm cắp trên được 5.350.000 đồng. Qu đưa cho Q 2.000.000 đồng, số còn lại Qu cầm và cả hai đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 16/KL-HĐ ngày 30-11-2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V đã kết luận: 08 hộp ắc quy Qu và Q trộm cắp của Công ty N ngày 20-11-2021 có trị giá là 11.840.000đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 03/KL-HĐ ngày 21-11-2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V đã kết luận: 07 hộp ắc quy Qu và Q trộm cắp trước ngày 20-11-2021 của Công ty N có trị giá là 11.080.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSVB ngày 21-4-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Phạm Hồng Q và Trần Đình Qu về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phạm Hồng Q và Trần Đình Qu đã thành khẩn khai nhận về hành vi trộm cắp và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Q, Qu về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Hồng Q và Trần Đình Qu phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về điều luật và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng Q từ 22 đến 25 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trần Đình Qu từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo Phạm Hồng Q và Trần Đình Qu, vì hoàn C gia đình khó khăn.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã thỏa thuận nhận tiền bồi thường và không có ý kiến, yêu cầu nào khác; nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 hộp bìa cát tông hình hộp chữ nhật, có vỏ ngoài màu đỏ, vỏ hộp có chữ nước ngoài; KT (31,8x18,8x20,8)cm

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; biên bản khám xét cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án đã được thu thập có trong hồ sơ. Nên có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 20-11-2021, tại Công ty N thuộc xã L, huyện V, tỉnh Nam Định; Phạm Hồng Q và Trần Đình Qu đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 08 hộp bình ắc quy mới của Công ty N có trị giá 11.840.000đồng (Mười

một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng), với mục đích đem bán lấy tiền tiêu sai cá nhân. Trước đó Q và Qu đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp ắc quy của Công ty N như sau: Lần 1 vào khoảng đầu tháng 11-2021, Q và Qu lấy trộm 01 hộp ắc quy điện mới trị giá 1.720.000 đồng; lần 2, vào tối ngày 12-11-2021, Q và Qu đã lấy trộm 04 hộp ắc quy điện mới có trị giá 6.880.000 đồng; lần 3, vào tối ngày 15-11-2021, Q và Qu đã lấy trộm 02 hộp ắc quy điện mới có giá trị 2.480.000 đồng.

Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo Q và Qu với những quy định của pháp luật thì hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện và thực hiện nhiều lần. Vì vậy cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình và việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết nhằm góp phần trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng vì vậy bị cáo Q và Qu phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự “Phạm tội nhiều lần”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và đã khắc phục hậu quả; các bị cáo đều có hoàn C gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận. Nên, các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đường lối xử lý:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp thu ý chỉ của nhau, không phân công cụ thể vai trò của từng người. Tuy nhiên xét vị trí vai trò trong đồng phạm thì Q là người khởi xướng, rủ rê và là người thực hành tích cực, còn Qu tham gia với vai trò giúp sức.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân, động cơ, mục đích và vị trí, vai trò trong đồng phạm của các bị cáo. Hội đồng xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, cải tạo các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Vì vậy, căn cứ Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và hoàn C khó khăn; nên miễn khấu trừ một phần thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại các tài sản bị mất và tiền bồi thường, không có ý kiến, yêu cầu nào khác; nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông C, chị H, chị B và ông T đã nhận tiền bồi thường và không có ý kiến, yêu cầu nào khác; nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Số bình ắc quy đã qua sử dụng các bị cáo đã bồi thường theo giá trị bằng tiền cho bị hại; đại diện Công ty N đã nhận tiền đủ số tiền bồi thường và đề nghị giao lại số bình ắc quy trên cho các bị cáo. Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã giao lại cho Q và Qu số bình ắc quy nêu trên theo thỏa thuận của các bên. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 hộp bìa cát tông hình hộp chữ nhật, có vỏ ngoài màu đỏ, vỏ hộp có chữ nước ngoài; KT (31,8x18,8x20,8)cm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Trong vụ án này còn có: Ông Trần Đình C; chị Trần Thị Thu H; chị Hoàng Thị Bích B và ông Lê Xuân T là những người đã mua bình ắc quy của các bị cáo; nhưng khi mua những người này không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có; nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý đối với ông Trần Đình C, chị Trần Thị Thu H, chị Hoàng Thị Bích B và ông Lê Xuân T là đúng.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 36; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Hồng Q và Trần Đình Qu phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Hồng Q 25 (Hai lăm) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 23-11-2021 đến 02-12-2021, quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Phạm Hồng Q còn phải chấp hành 24 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Phạm Hồng Q cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục.

2.2. Xử phạt bị cáo Trần Đình Qu 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 23-11-2021 đến 02-12-2021, quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Đình Qu còn phải chấp hành 17 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Trần Đình Qu cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục.

2.3. Các bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2.4. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho các bị cáo Phạm Hồng Q và Trần Đình Qu.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 hộp bìa cát tông hình hộp chữ nhật, có vỏ ngoài màu đỏ, vỏ hộp có chữ nước ngoài; KT (31,8x18,8x20,8) cm.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Hồng Q và Trần Đình Qu mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị My được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ông Trần Đình C, chị Trần Thị Thu H, chị Hoàng Thị Bích B và ông Lê Xuân T) được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh Nam Định;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trường Nam**